

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Nhi khoa

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Nguyễn Thị Quỳnh Nga**

2. Ngày tháng năm sinh: 20/06/1977; Nam ☐ Nữ ☒ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **La Khê, Hà Đông, Hà Nội**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **Phòng 2202, CT1, C14 Bắc Hà, Tổ Hữu, Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.**

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

TS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Phòng 2202, CT1, C14 Bắc Hà, Tổ Hữu, Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:

Điện thoại di động: 0398636539;

E-mail: ngaquynh2006@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 2006 - nay: Giảng viên Bộ môn Nhi, Trường Đại học Y Hà Nội

Bác sĩ Khoa Sơ sinh, Trung tâm Sơ sinh, Bệnh viện Nhi Trung ương.

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Chức vụ: Hiện nay: không

Chức vụ cao nhất đã qua: không

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Nhi, Trường Đại học Y Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02438357428

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: Chưa

- Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

- Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 23 tháng 8 năm 2001; số văn bằng: B354586; ngành: Bác sĩ Y khoa;

- Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng BSNT ngày 10 tháng 10 năm 2006; số văn bằng C000258; chuyên ngành Nhi khoa; Nơi cấp bằng BSNT: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 17 tháng 9 năm 2009; số văn bằng: A003144; chuyên ngành: Nhi khoa; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 12 tháng 3 năm 2014; số văn bằng: RENNI10622507/2014201300168; chuyên ngành: Sinh học và Khoa học Sức khỏe; Nơi cấp bằng TS: Đại học Rennes 1, Cộng hòa Pháp.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nguyên nhân, yếu tố nguy cơ, đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị các bệnh lý nhiễm trùng sơ sinh.

- Đặc điểm dịch tễ, yếu tố nguy cơ, biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và hiệu quả của các phương pháp theo dõi, điều trị ở nhóm trẻ đẻ non.

- Đặc điểm dịch tễ, lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng nhóm bệnh nặng không do nhiễm khuẩn (rối loạn chuyển hóa, tim mạch, thần kinh, suy hô

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước hập...).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn chính (số lượng): 33 học viên Ths, CK2, BSNT bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 7 đề tài nghiên cứu, cụ thể như sau:
 - + Chủ nhiệm 01 đề tài cấp tỉnh
 - + Chủ nhiệm 03 đề tài cấp cơ sở
 - + Tham gia 03 đề tài cấp cơ sở: với nhiệm vụ là nghiên cứu viên chính, thư kí
- Đã công bố (số lượng) 77 bài báo khoa học, trong đó sau Tiến sĩ có 06 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín và là tác giả chính, có chỉ số IF>1 (đứng đầu, liên hệ).
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích.
- Số lượng sách đã xuất bản 02 cuốn thuộc nhà xuất bản có uy tín.
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

STT	Hình thức khen thưởng	Số quyết định
1	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2018-2019	Số 5876/QĐ-ĐHYHN ngày 30.10.2018
2	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2021	Số 560/QĐ - ĐHYHN ngày 25.3.2022
3	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2022	Số 186/QĐ-ĐHYHN ngày 28/01/2023
4	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2023	Số 186/QĐ-ĐHYHN ngày 28/1/2023.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

- Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tha thiết yêu nghề, hết lòng thương yêu chăm sóc giáo dục sinh viên, học viên.
- Là một cán bộ giảng dạy mẫu mực, có tinh thần trách nhiệm cao, đồng thời là một cán bộ hết lòng vì công việc vì sự phát triển bền vững Bệnh viện Nhi Trung ương cũng như của Bộ môn Nhi và Trường Đại học Y Hà Nội.

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, trung thực, lối sống khiêm tốn và giản dị
- Quan hệ với đồng nghiệp tốt, với sinh viên đúng mực. Luôn chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức cho sinh viên và đồng nghiệp.
- Chấp hành đầy đủ và đúng mọi nội quy, quy định trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Nhà trường và các qui định của Bệnh viện.
- Có đầy đủ giáo trình, giáo án, chuẩn bị bài đầy đủ khi lên lớp. Lên lớp đúng giờ.
- Giảng dạy có chất lượng tốt, đạt hiệu quả rõ rệt, thể hiện có nhiều sinh viên giỏi. Đã kết hợp tốt giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học cũng như phục vụ bệnh nhân.
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, có nhiều đóng góp xây dựng đơn vị, Nhà trường và Bệnh viện.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên: Tổng số: 17 năm.

(Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020			1	0	108,3	313,1	421,4/446,6/280
2	2020-2021			5	0	60,9	477,4	538,3/663,3/280
3	2021-2022			2	0	78,8	350	428,8/528,8/280
03 năm học cuối								
4	2022-2023			4	0	70,8	498,2	569/769/320
5	2023-2024			1	0	80,6	441,1	521,7/571,7/320
6	2024-2025			6	0	29,2	340,5	369,7/669,7/320

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh, Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Bảo vệ luận án TS ☒ Tại nước: Pháp năm 2014

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐ :

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Pháp (Chương trình Đào tạo BS Y khoa tăng cường bằng tiếng Pháp

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Y Hà Nội

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2 /BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Lê Lợi		HVCH	+		2015-2016	Trường ĐHY Hà Nội	Số bằng 3774 ngày 26.2.2016
2	Hoàng Thị Hương		HVCH	+		2016-2017	Trường ĐHY Hà Nội	Số bằng 4210 ngày 25.1.2017
3	Đỗ Thị Lan Hương		HVCH	+		2016-2017	Trường ĐHY Hà Nội	Số bằng 4211 ngày 25.1.2017
4	Hoàng Thị Nhung		HVCH		+	2016-2017	Trường ĐHY Hà Nội	Số bằng 4216 ngày 25.1.2017
5	Lưu Thị Hoa		HVCH	+		2017-2018	Trường ĐHY Hà Nội	Số bằng A181884 ngày

								11.1.2018
6	Đặng Thị Thu Thủy		BSNT	+		2017-2018	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 1063/SDH-NT ngày 8.1.2018
7	Nguyễn Thị Thùy Linh		HVCH	+		2017-2018	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 0181-ThS/2018 ngày 3.12.2018
8	Vũ Thị Cử		HVCH	+		2017-2018	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 0164-ThS/2018 ngày 3.12.2018
9	Phan Thị Kiều Oanh		BSNT	+		2018-2019	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 0122-NT/2019 ngày 30.09.2019
10	Nguyễn Thị Mai Hương		HVCH	+		2018-2019	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 0251-ThS2019 ngày 16.12.2019
11	Cao Thị Bích Hảo		HVCH	+		2018-2019	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 0247-ThS/2019 ngày 16.12.2019
12	Phan Danh		BSNT	+		2019-2021	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 157-NT/2021
13	Phạm Thị Mai		HVCH	+		2020-2021	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 0273-ThS/2021 ngày 15.1.2021
14	Nguyễn Thị Cẩm Vân		HVCH	+		2020-2021	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 0287-ThS/2021 ngày 15.01.2021

15	Lê Thùy Linh		BSNT	+		2018-2020	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 123-NT/2020 ngày 8.10.2020
16	Trịnh Thị Thuần		BSCK2	+		2018-2021	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 167-CKII TT2021 ngày 11.1,2021
17	Lưu Thị Hồng Quyên		BSCK2	+		2018-2021	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 169-CKII TT2021 ngày 11.1.2021
18	Cao Thị Mai Lê		HVCH	+		2021-2022	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 0258-ThS/2022 ngày 28.2.2022
19	Bùi Tiến Công		BSNT	+		2021-2022	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 166-NT/2022 ngày 20.10.2022
20	Đỗ Hạnh Trang		HVCH	+		2021-2022	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 0744-ThS/2023 ngày 6.1.2023
21	Phan Thị Huyền Ninh		BSNT	+		2022-2023	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 174-NT/2023 ngày 20.10.2023
22	Hoàng Hồng Nhung		BSNT	+		2022-2024	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 0741-ThS/2023 ngày 06.01.2023
23	Vũ Thị Chín		BSCK2	+		2022-2023	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 073-CKII CC/2023 ngày 14.9.2023

24	Nguyễn Hữu Sơn		BSCK2	+		2022-2023	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 074-CKII CC /2023 Ngày 29.09.2023
25	Đỗ Thị Hương Giang		HVCH	+		2022-2023	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 1179-ThS/2023 ngày 29.12.2023
26	Lê Quang Minh		HVCH	+		2022-2023	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 1190-ThS/2023 ngày 29.12.2023
27	Nguyễn Thị Mỹ Linh		HVCH		+	2022-2023	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 1188-ThS/2023 ngày 29.12.2023
28	Lê Đức Quang		BSNT	+		2022-2024	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 0157-NT/2024 ngày 01.11.2024
29	Mangnomek Khamkhan xay		BSCK2	+		2022-2023	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 377-CKII/2023 Ngày 29.12.2023
30	Nguyễn Thị Linh		HVCH	+		2023-2024	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 0322-ThS/2025 ngày 18.02.2025
31	Đỗ Thị Trâm Anh		HVCH	+		2024-2025	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 0325-ThS/2025 ngày 18.02.2025

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

32	Nguyễn Thanh Ngà		HVCH	+		2024-2025	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 0337- ThS/2025 ngày 18.02.2025
33	Hoàng Thị Yến		HVCH	+		2024-2025	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 0350- ThS/2025 ngày 18.02.2025
34	Trần Lương Nhân		BSCK2	+		2023-2025	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 0122- CKII/2025 ngày 26.02.2025
35	Nguyễn Thị Hoa		BSCK2	+		2023-2025	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 0119- CKII/2025 ngày 26.02.2025
36	Phan Thị Nga		BSCK2	+		2023-2025	Trường ĐH Y Hà Nội	Số bằng 0121- CKII/2025 ngày 26.02.2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi cấp bằng Tiến sĩ							
1	Bài giảng Nhi khoa tập 1	GT	Nhà xuất bản Y học 2020 ISBN 978-604-66- 4365-4	22	PGS.TS Nguyễn Thị Diệu Thúy	Chương: Sơ sinh	Số 2780/QĐ- ĐHYHN ngày 27/7/2022
2	Bài giảng Sân khoa	GT	Nhà xuất bản Y học 2022 978-604-66- 5651-7	46	PGS.TS Trần Danh Cường	Chương 1: Giải phẫu và sinh lý	1625/QĐ- ĐHYHN ngày 30/5/2023

Trong đó số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: tham gia biên soạn 02 sách GT do nhà xuất bản Y học xuất bản [1, 2];

Lưu ý: - Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17- 56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Sau khi bảo vệ Tiến sĩ					
1	Nghiên cứu áp dụng phương pháp sử dụng surfactant ít xâm lấn (LISA) trong điều trị hội chứng suy hô hấp cấp ở trẻ đẻ non	Đồng CN	2285/QĐ-PS-TTĐTCĐT	2017-2019	Ngày 12/11/2019 Đạt
2	Vai trò của Hydrocortisone trong điều trị hạ huyết áp dai dẳng ở trẻ sơ sinh	Tham gia chính	4597/QĐ-BVNTU	2017-2019	Ngày 22/11/2019 Xuất sắc
3	Đánh giá hiệu quả của surfactant trong điều trị xuất huyết phổi ở trẻ sơ sinh tại Bệnh viện Nhi Trung Ương	Tham gia chính	4512/QĐ-BVNTU	2027-2019	Ngày 15/11/2019 Khá
4	Đặc điểm nhóm bệnh và một số yếu tố liên quan đến nhóm bệnh lý vàng da sơ sinh điều trị tại Bệnh viện đa khoa Gia Lâm	CN	CS/BVGL/2023/07	2022-2023	Ngày 15/11/2023 Đạt
5	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị nhiễm khuẩn huyết do <i>Staphylococcus aureus</i> ở trẻ sơ sinh	CN	7163/QĐ-ĐHYHN	2022-2023	Ngày 29/12/2023 Xuất sắc
6	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và căn nguyên gây nhiễm khuẩn huyết ở trẻ sơ sinh non tháng tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội	TK	1435/QĐ-PS	2024	Ngày 15/10/2025 Xuất sắc

7	Đánh giá thực trạng cấp cứu, tử vong sơ sinh, đề xuất biện pháp can thiệp nâng cao chất lượng chăm sóc, cấp cứu và chuyển giao kỹ thuật hỗ trợ hô hấp cơ bản tại tỉnh Hà Nam.	CN	2025-03/NS-KQNC	2022-2024	Ngày 21/4/2025 Đạt
---	---	----	-----------------	-----------	--------------------

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố: **77** bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế.

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
Trước khi được công nhận Tiến sĩ								
1	Rythme cardiaque, QT et mort inattendue du nourrisson	04		Archive de Pédiatrie ISSN: 0929-693X.	Scopus Q2 IF 1.8		18(5)Suppl 1:H184-H185.	2011
2	Effet De La Vaccination Du Grand Premature Sur La Regulation Des Rythmes Cardio-Respiratoires	09		<i>Paediatrics & Child Health</i> ISSN 1918-1485	Scopus Q2 IF 1.9		Volume 16, Issue suppl_A, Pages 33A-34A DOI: 10.1093/pcp/16.suppl_A.33Ab	2011
3	Possible predictors of cardiorespiratory events after immunization in preterm neonates.	07		Neonatology ISSN 1661-7819	Scopus Q1 IF 2.4		104(2),151-155 DOI: 10.1159/000351035	2013

4	Nhịp tim, QT và chết đột tử ở trẻ còn bú	04		Tạp chí nhi khoa ISSN 1859-3860			5/3/8-12	2012
Sau khi được công nhận Tiến sĩ								
Các bài báo Quốc tế								
5	Early-onset neonatal sepsis is associated with a high heart rate during automatically selected stationary periods.	06	X	Acta Paediatr. eISSN:1651-2227 pISSN: 0803-5253	Scopus, SCIE Q1 IF 3.8		106(5):74 9-754 DOI: 10.1111/apa.13782	2017
6	Cerebrospinal Fluid Polymerase Chain Reaction in the Diagnosis of Neonatal Bacterial Meningitis: A Single-Center Experience From Vietnam.	05	X	Indian Pediatrics ISSN 0974-7559	Scopus, SCIE Q2 IF 2.3		volume 5 9;43–945	2022
7	Hepatic Abscess due to Candida species in Neonates: Case report in Vietnam.	04	X	ID cases ISSN: 2214-2509	Scopus Q3 IF 1.5		4:34:e019 04 DOI: 10.1016/j.idcr.2023.e01904	2023
8	Symptomatic neonatal congenital infections in North Vietnam: a single-centre observational study	05	X	Infectious Diseases and Tropical Medicine eISSN:2379-4054	Scopus (Elsevier)		9: e1219 DOI:10.32113/identm_202312_1219	2023
9	Neonatal sepsis in Vietnam: Bacterial profiles and antibiotic susceptibility in a tertiary care setting.	05	X	Am J Infect Control ISSN: 0196-6553	Scopus, SCIE Q1 IF:3.8		53(4):453-457 DOI: 10.1016/j.ajic.2024.12.016	2025
10	Staphylococcus aureus pneumonia in neonates: clinical patterns, laboratory findings and outcomes.	04	X	Pediatrics and Neonatology ISSN: 1875-9572 eISSN:2212-1692	Scopus, SCIE Q2 IF: 2.4		DOI: 10.1016/j.pedneo.2025.03.002	2025

11	Postnatal cytomegalovirus infection in preterm infants at a tertiary hospital in Vietnam: Incidence, characteristics, and short-term outcomes.	05	X	Early Human Development eISSN:1872-6232 ISSN: 0378-3782	Scopus, SCIE Q1 IF: 2.2		DOI:10.1016/j.earlhumdev.2025.106306	2025
Các bài báo trong nước								
12	Đánh giá hiệu quả và tính an toàn của Iloprost trong điều trị tăng áp lực động mạch phổi ở trẻ sơ sinh hít phân su tại Bệnh viện Nhi Trung ương	03		Tạp chí nhi khoa ISSN 1859-3860			9/2/6-11	2016
13	Đánh giá hiệu quả surfactant trong điều trị xuất huyết phổi ở trẻ sơ sinh tại Bệnh viện Nhi Trung ương	03	X	Tạp chí nhi khoa ISSN 1859-3860			9/2/12-18	2016
14	Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng của bệnh loạn sản phế quản phổi ở trẻ sơ sinh	02	X	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			1030/248-249	2016
15	Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng của xuất huyết giảm tiểu cầu ở trẻ sơ sinh	02	X	Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			1030/304-306	2016
16	Nhân 2 trường hợp rối loạn nhịp Block nhĩ thất do Lupus ở trẻ sơ sinh.	05		Tạp chí Nhi Khoa ISSN 1859-3860			10/1/38-43	2017
17	Các yếu tố nguy cơ của hạ Natri máu ở trẻ đẻ non	02		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			số 1055/87-89	2017
18	Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng của viêm phổi sơ sinh có nhiễm RSV	04		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			số 1055/77-80	2017
19	Một số yếu tố ảnh hưởng đến khả năng đóng tự nhiên của ống động mạch ở trẻ đẻ non tại Bệnh viện Nhi Trung ương.	08		Tạp chí nghiên cứu y học ISSN 1859-1663			109(4)/45-52	2017

20	Một số yếu tố liên quan đến tình trạng hạ albumin máu ở trẻ đẻ non tại Bệnh viện Nhi Trung ương.	02		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			1073/16-18	2018
21	Giá trị tiên lượng tử vong theo thang điểm SNAP ở trẻ sơ sinh.	02		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			1073/29-31	2018
22	Một số yếu tố nguy cơ gây xuất huyết não màng não ở trẻ đẻ non dưới 32 tuần.	02		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			1073/9-12	2018
23	Khảo sát một số yếu tố liên quan đến hạ huyết áp ở trẻ sinh non dưới 32 tuần tại Bệnh viện Nhi Trung ương.	03		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			Số 1100/32-34	2019
24	Một số yếu tố liên quan đến tình trạng tăng clo máu ở trẻ đẻ non tại Bệnh viện Nhi Trung ương.	03		Tạp chí y học thực hành ISSN 1859-1663			1100/10-14	2019
25	Một số yếu tố liên quan đến tình trạng giảm albumin máu ở trẻ đẻ non tại Bệnh viện Nhi Trung ương.	02	X	Tạp chí Nhi khoa ISSN 1859-3860			12(2)/31-35,	2019
26	Vai trò của Procalcitonin trong chẩn đoán nhiễm khuẩn sơ sinh sớm.	02	X	Tạp chí Nhi khoa ISSN 1859-3860			12(2)/36-42	2019
27	Nhận xét kết quả điều trị hạ Natri máu ở trẻ đẻ non trong tuần đầu sau sinh tại Bệnh viện Nhi Trung ương	02	X	Tạp chí Nhi khoa ISSN 1859-3860			12(4)/19-26	2019
28	Lượng clo đưa vào và tính trạng toan chuyển hóa ở trẻ đẻ non tại Bệnh viện Nhi Trung ương	02	X	Tạp chí Nhi khoa ISSN 1859-3860			13(1)	2020
29	Dự phòng loạn sản phế quản phổi ở trẻ đẻ non	03	X	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN 2354-080X			số 131(7), 177-186	2020

30	Hiệu quả của phương pháp insure trong điều trị suy hô hấp ở trẻ đẻ non	03		Tạp chí Y học lâm sàng ISSN: 1859-3593			số 118. Tr 55-73,	2020
31	Một số yếu tố nguy cơ gây tăng glucose máu ở trẻ đẻ non tháng	02	X	Tạp chí Nhi khoa ISSN 1859-3860			13(2)/29-34	2020
32	Ứng dụng siêu âm phổi trong chẩn đoán bệnh màng trong ở trẻ sơ sinh non tháng	02	X	Tạp chí Nhi khoa ISSN 1859-3860			13(3)/20-27	2020
33	Kết quả điều trị tràn dịch dưỡng chấp màng phổi ở trẻ sơ sinh tại Bệnh viện Nhi Trung ương	02	X	Tạp chí Nhi khoa ISSN 1859-3860			13(3)/27-34	2020
34	Đối chiếu hình ảnh siêu âm qua thóp theo phân loại Sanart trên trẻ sơ sinh đủ tháng bị bệnh não thiếu oxy – thiếu máu cục bộ	03	X	Tạp chí Nhi khoa ISSN 1859-3860			13(3)/54-61	2020
35	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và giá trị của PCR đa môi dịch não tủy trong chẩn đoán viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ sơ sinh	02	X	Tạp chí Nhi khoa ISSN 1859-3860			13(3)/61-69	2020
36	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của nhiễm Cytomegalovirus bẩm sinh tại Trung tâm Sơ sinh, Bệnh viện Nhi Trung ương	02	X	Tạp chí Nhi khoa ISSN 1859-3860			14/2/29-34	2021
37	Nhân một trường hợp lồng ruột ở trẻ sơ sinh	02	X	Tạp chí Nhi khoa, ISSN 1859-3860			14/2/51-53	2021
38	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ sơ sinh	01	X	Tạp chí Nhi khoa ISSN 1859-3860			14/2/54-60	2021

39	Kết quả điều trị nấm Candida máu ở trẻ đẻ non dưới 32 tuần thai tại Bệnh viện Nhi Trung ương	05	X	Tạp chí Nhi khoa ISSN 1859-3860			14/3/21-27	2021
40	Late surfactant replacement therapy and its efficacy on severe bronchopulmonary dysplasia in National Children Hospital	02	X	Journal of Medical Research ISSN 2354-080X			148(12), 152-157	2021
41	Thai to – biến chứng và xử trí trẻ sau sinh.	02	X	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN 2354-080X			149(1), 85-92.	2022
42	Nhiễm Cytomegalovirus sau sinh ở trẻ sơ sinh non tháng	02	X	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN 2354-080X			149(1), 78-84	2022
43	Viêm phổi hoại tử ở một trẻ sơ sinh: biến chứng hiếm gặp của một bệnh lý thường gặp	02	X	Tạp Chí Nghiên cứu Y học ISSN 2354-080X			153(5), 230-238	2022
44	Báo cáo ca bệnh: Viêm phúc mạc ruột thừa ở trẻ đẻ non	03	X	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN 2354-080X			156(8), 276-279	2022
45	Báo cáo ca bệnh: Hội chứng chèn ép khoang ở trẻ sơ sinh	05	X	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN 2354-080X			156(8), 311-316	2022
46	Tình trạng thiếu vitamin D ở trẻ đẻ non tại Bệnh viện Nhi Trung ương.	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			519(1), 291-295	2022
47	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng thủng ruột sơ sinh tại Bệnh viện Nhi Trung ương.	03	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			519(1), 1-4	2022

48	Đặc điểm và một số yếu tố liên quan của bệnh vông mạc ở trẻ đẻ non dưới 32 tuần tại Bệnh viện Nhi Trung ương.	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			520(1A), 22-26	2022
49	Bước đầu đánh giá hiệu quả của phương pháp lọc máu liên tục tại Trung tâm Sơ sinh, Bệnh viện Nhi Trung ương.	05	X	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN 2354-080X			160 (12V1), 189-195	2022
50	Clinical and preclinical characteristics of neonates with congenital syphilis in the national center of vietnam National Children's hospital.	02	X	Journal of Medical Research ISSN 2354-080X			161 (12E11), 1-8	2022
51	Hiệu quả của liệu pháp surfactant thay thế trong điều trị suy hô hấp cấp do hội chứng hít phân su ở trẻ sơ sinh.	03		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			524(1B), 227-280	2023
52	Fetal maternal hemorrhage: a comparation two cases.	03	X	Journal of Medical Research ISSN 2354-080X			173 (12E11), 1-8	2023
53	Căn nguyên và kết quả điều trị một số bệnh nhiễm khuẩn sơ sinh thường gặp tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An năm 2022. .	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			527(1B), 272-276	2023
54	Nguyên nhân và kết quả điều trị suy hô hấp cấp ở trẻ sơ sinh tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An.	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			527(1B), 240-244	2023

55	Kết quả đo nồng độ CO ₂ máu qua da ở trẻ sơ sinh suy hô hấp tại Trung tâm Sơ sinh, Bệnh viện Nhi Trung ương	02	X	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN 2354-080X			168(7)/17 1-179	2023
56	Giảm tiêu cầu miễn dịch ở trẻ sơ sinh: Tổng quan tài liệu và báo cáo 2 ca bệnh.	03	X	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN 2354-080X			169(8), 319-326.	2023
57	Thực trạng lo âu, căng thẳng, trầm cảm sau sinh ở các bà mẹ có con sinh non tại Trung tâm Sơ sinh – Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2022-2023.	04	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			529(1), 126-130	2023
58	Kết quả sử dụng surfactant liều cao trong điều trị hội chứng suy hô hấp ở trẻ đẻ non tại Bệnh viện Nhi Trung ương.	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			530(1B), 83-87	2023
59	Đặc điểm các nhóm bệnh sơ sinh điều trị tại Bệnh viện đa khoa Gia Lâm giai đoạn 2020-2022	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			531(1B), 83-86	2023
60	Căn nguyên vi khuẩn gây nhiễm khuẩn huyết sơ sinh tại Bệnh viện Nhi Trung ương.	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			530(1B), 160-164	2023
61	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị nhiễm khuẩn huyết do Staphylococcus aureus ở trẻ sơ sinh.	02	X	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN 2354-080X			170 (9): 46-55	2023

62	Kết quả chăm sóc trẻ đẻ non bằng phương pháp Kangaroo tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2023	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			534(1B), 299-304	2023
63	Mô hình cấp cứu, tử vong trẻ sơ sinh tại tỉnh Hà Nam năm 2022.	04	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			532(2), 299-304	2023
64	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của trẻ sơ sinh mắc covid-19 điều trị nội trú tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2021-2023.	03	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			533(1), 71-76	2023
65	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của nhiễm khuẩn huyết ở trẻ sơ sinh tại khoa sơ sinh Bệnh viện Phụ sản Hà Nội.	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			542(2), 9- 13	2024
66	Căn nguyên gây nhiễm trùng huyết ở trẻ sơ sinh non tháng tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội và một số yếu tố liên quan.	06	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			544(2)/25 5-259	2024
67	Hiệu quả của phương pháp INSURE trong điều trị hội chứng suy hô hấp cấp ở trẻ đẻ non tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội.	06	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			544(2), 331-335	2024
68	Đặc điểm các bệnh lý thường gặp ở trẻ sơ sinh điều trị tại Bệnh viện Bưu Điện năm 2023-2024.	04	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			545(1), 67-71	2024
69	Nguyên nhân thở máy xâm nhập ở trẻ sơ sinh tại Bệnh viện sản nhi Bắc Ninh.	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			545(1),18 5 -189	2024
70	Nguyên nhân và kết quả điều trị suy hô hấp ở trẻ đẻ non tại Khoa sơ sinh, Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			543(2), 45-50	2024

71	Yếu tố nguy cơ nhiễm trùng sơ sinh sớm tại Bệnh viện Đa khoa quốc tế Vimec Times City.	03		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			544(2), 168-172	2024
72	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị nhiễm khuẩn do Staphylococcus aureus ở trẻ sơ sinh	02	X	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN 2354-080X			187(02), 204-214.	2025
73	Viêm phổi hoại tử do Staphylococcus aureus ở trẻ sơ sinh: Báo cáo 15 trường hợp tại Trung tâm Sơ sinh – Bệnh viện Nhi Trung ương.	02	X	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN 2354-080X			189(4),39 3 -403	2025
74	Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến nhiễm Cytomegalovirus sau sinh ở trẻ sinh non	03	X	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN 2354-080X			191(06)/5 91-589	2025
75	Nguyên nhân và kết quả điều trị suy hô hấp sơ sinh tại Bệnh nhi Thái Bình	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			550(3)/41 -45	2025
76	Mô hình nhiễm khuẩn sơ sinh điều trị tại Bệnh viện Nhi Thái Bình năm 2024	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			550(3)/20 2-206	2025
77	Khảo sát mô hình bệnh tật, tử vong và chuyển tuyến của trẻ sơ sinh tại Bệnh viện Nhi Thái Bình năm 2024	03	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			550(3)/95 -99	2025

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau TS: 60 bài (5-11, 13-15, 25-29, 31-50, 52-70, 72-77), trong đó có 6 bài là tác giả chính đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín (5,6,7,9,10,11) với IF>1.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): Không.

1. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: Không

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

2. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: **Không**

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Quỳnh Nga